

Bản án số: 64/2018/DS-PT

Ngày 04 - 4 - 2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán: Ông Lê Lâm Sơn

Ông Võ Văn Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 3 và 04 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2017/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2018/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: Bà Trương Thị N, sinh năm: 1952 và ông Trần Thanh S, sinh năm: 1950. Cùng địa chỉ: Số 83 NGT, kp7, phường RS, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang - (Bà N vắng mặt, ông S có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Niếu: Ông Trần Thanh S, sinh năm: 1950 (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2017) - (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn: Luật sư Tiêu Tường Th - Văn phòng luật sư Tường Th, đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1962. Địa chỉ: Ấp VH2, xã VHP, huyện CT, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Song T - Văn phòng luật sư Trần Song T, đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- NLQ.

- NLC.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đồng nguyên đơn bà Trương Thị N và ông Trần Thanh S, do ông Trần Thanh S là người đại diện trình bày:

Nguyên vào năm 2001, vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng diện tích đất 1.000,50m² của vợ chồng ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị H. Toàn bộ thủ tục chuyển nhượng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Ngày 08/5/2002, NLQ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Trương Thị N. Thửa đất có diện tích 1.000,50m², ngang 29m, dài 34,5m (theo đo đạc thực tế 970,8m²) tại thửa số 607, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại ấp VH2, xã VHP, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian gần đây, ông bà tiến hành đo đạc lại diện tích phần đất này để chuyển nhượng cho người khác, thì bà Nguyễn Thị H đứng ra tranh chấp, không cho ông bà đo đạc, vì cho rằng phần đất hành lang lộ giới tính từ tim đường vô 07m, bà H không chuyển nhượng cho vợ chồng ông bà và thuộc quyền sử dụng đất của bà H và bà H yêu cầu được sử dụng phần đất này theo Biên bản hòa giải ngày 04/11/2016 của Ủy ban nhân dân xã VHP, huyện CT, tỉnh Kiên Giang. Nhưng lúc trước khi nhận chuyển nhượng đất là đo từ mé lộ trở vô trong, lúc ông bà làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hồ sơ bản vẽ cũng thể hiện như vậy.

Tại phiên tòa, ông S yêu cầu giải quyết công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 1.000,50m² (theo đo đạc thực tế 970,8m²) tại thửa số 607, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại ấp VH2, xã VHP, huyện CT, tỉnh Kiên Giang đã được NLQ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Trương Thị N.

Đồng thời buộc bà Nguyễn Thị H chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất hợp pháp tọa lạc tại ấp VH2, xã VHP, huyện CT, tỉnh Kiên Giang có diện tích đất hành lang an toàn giao thông. Nghiêm cấm bà H không được cản trở việc sử dụng đất nêu trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào năm 2002, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà và chồng là ông Lê Văn Q có chuyển nhượng cho bà Trương Thị N diện tích đất có chiều ngang 34,5m; dài 29m nằm trong diện tích đất của ông bà có chiều dài là 34,5m, chiều

ngang là 29m. Thời điểm lúc này do Nhà nước có chủ trương mở rộng đường đi nên phải chừa từ tim lộ trở vô là 07m, nên khi đó ông bà cùng với bà N có thỏa thuận với nhau nếu sau này nhà nước tiến hành quy hoạch làm lộ thì bà được hưởng phần nhà nước bồi hoàn diện tích đất với chiều ngang 07m, dài 29m, trừ 02m lộ giới còn lại 05m. Như vậy diện tích đất của bà hiện còn là 145m². Phần đất có diện tích 1.000,50m², (ngang 29m, dài 34,5m) theo đo đạc thực tế 970,8m² tại thửa 607, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại ấp VH2, xã VHP, huyện CT, tỉnh Kiên Giang đã được NLQ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Trương Thị N, thì bà đồng ý đã chuyển nhượng cho bà Trương Thị N đây là phần đất hợp pháp của bà N và ông S, bà không có tranh chấp.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị N, ông Trần Thanh S phải trả cho bà diện tích đất 145m² là phần đất hành lang an toàn giao thông có ngang 29m; chiều dài chạy vào là 07m (trừ 2m tim lộ vào).

NLQ có người đại diện hợp pháp trình bày:

Phần đất thuộc hành lang an toàn giao thông thuộc trước phần đất của chủ sử dụng nào thì người có được quyền sử dụng, nhưng không được lấn chiếm xây dựng công trình trên phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất hiện tại đang tranh chấp vẫn thuộc hành lang an toàn giao thông là thuộc quyền sử dụng của bà N và ông S, do bà H và ông Q đã chuyển nhượng cho ông S và bà N (việc chuyển nhượng này đúng theo quy định của pháp luật; có thực hiện việc đo vẽ cắm mốc và ký giáp ranh của các bên); Phần đất này theo quy định pháp luật lúc trước thì không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do phải trừ phần hành lang an toàn giao thông, nhưng hiện nay theo quy định thì phần đất này vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, nếu ông S và bà H có yêu cầu cấp phần đất này thì NLQ sẽ làm thủ tục cấp đất đúng theo quy định của pháp luật.

NLQ có ý kiến: Ông là Cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CT, tỉnh Kiên Giang, ông chính là người đã thực hiện việc đo vẽ, cắm mốc khi bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn Q chuyển nhượng cho bà N và ông S.

Khi thực hiện việc đo vẽ, thì có tính cả phần đất hành lang an toàn giao thông, nhưng lúc đó theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, NLQ là không cấp phần diện tích hành lang an toàn giao thông, nên bà N và ông S chưa được cấp phần đất này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2017/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị N và ông Trần Thanh S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H.

2. Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích $1.000,50m^2$ (theo đo đạc thực tế $970,8m^2$) tại thửa 607, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại ấp VH2, xã VHP, huyện CT, tỉnh Kiên Giang đã được NLQ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Trương Thị N (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện CT thửa đất có hình 22'3'3 trong đó: Cạnh 22'=34,5m giáp đất Lê Văn S; Cạnh 2'3'=29,05m giáp đất Trương Bửu L; Cạnh 3'3'=32,5m giáp Hồ Thị M; Cạnh 32=29m giáp phần đất an toàn giao thông đang tranh chấp).

3. Đồng thời buộc bà Nguyễn Thị H chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng hành lang an toàn giao thông ngang 29m, dài 07m (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện CT thửa đất có hình 1234 trong đó cạnh 12 = 7m ; cạnh 23 = 29m; Cạnh 34 = 07m; Cạnh 41= 29m).

Ông S và bà H có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/11/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Sửa bản án sơ thẩm. Phần đất của ông S, bà N chuyển nhượng $1.005m^2$, thì sử dụng $1.005m^2$.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung, nên không thể thi hành án, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngược lại, nguyên đơn ông Trần Thanh S - đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị N không đồng ý nội dung kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: NLQ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Tranh chấp giữa bà Trương Thị N, ông Trần Thanh S với bà Nguyễn Thị H được xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc hành lang lộ giới.

Nguồn gốc phát sinh tranh chấp từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn Q với vợ chồng bà Trương Thị N, ông Trần Thanh S vào năm 2011. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất các bên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, hoàn thành các thủ tục đứng trên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần này các bên xác định không tranh chấp, nên bản án sơ thẩm tuyên công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 1.000,50m² (theo đo đạc thực tế 970,8m²) tại thửa 607, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại ấp VH2, xã VHP, huyện CT, tỉnh Kiên Giang đã được NLQ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Trương Thị N (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang) là không cần thiết.

Vợ chồng bà Trương Thị N, ông Trần Thanh S chỉ tranh chấp với bà Nguyễn Thị H phần đất thuộc hành lang lộ giới có chiều ngang 29m, chiều dài 07m, phần đất này cho đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

Bà Nguyễn Thị H cho rằng phần đất này thuộc quyền sử dụng của bà, vì khi chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần Thanh S, bà Trương Thị N, vợ chồng bà chỉ chuyển nhượng phần đất có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Văn Q có diện tích 1.000,5m², đo đạc thực tế 970,8m². Phần đất còn lại bà không chuyển nhượng, nên vẫn thuộc quyền sử dụng của bà. Bà Trương Thị N, ông Trần Thanh S không đồng ý với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, nên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc hành lang lộ giới, vì phần đất này nằm ngay trước mặt tiền phần đất ông đang sử dụng

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Trương Thị N, ông Trần Thanh S là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì mặc dù phần đất tranh chấp, nguồn gốc do ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị H sử dụng, nhưng cũng không được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H, ông Q mặc nhiên chiếm dụng phần đất do Nhà nước quản lý. Như vậy, bà H, ông Q khi chuyển nhượng cho bà N, ông S, bà cũng không có quyền chuyển nhượng phần đất đang tranh chấp, nếu có chuyển nhượng cũng không ai chấp nhận. Nay bà H yêu cầu được sử dụng phần đất hành lang lộ giới, phía trước mặt tiền phần đất của ông S, bà N là không thể chấp nhận được. Vì bà sử dụng từ trước chưa bao giờ được xác lập chủ quyền.

Ngoài ra, khi chuyển nhượng cho ông S, bà N, các chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện bà H đã chuyển nhượng hết toàn bộ diện tích đất bà sử dụng bao gồm cả phần đất hành lang lộ giới hiện đang tranh chấp. Tại Công văn số 77/CV-TNMT ngày 17/8/2017 (BL 50) khẳng định: *“Đối với phần đất chiều ngang 29m, dài 07m (đất hành lang lộ giới) đang tranh chấp hiện nay là thuộc quyền sử dụng của bà Trương Thị N. Bởi vì, phần đất nói trên gia đình ông Lê Văn Q đã chuyển nhượng hết cho hộ bà Trương Thị N”*.

Mặc khác, tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như đơn xin phép vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng của NLQ cho rằng: *“Nếu ông S và bà N có yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bổ sung thêm phần diện tích hành lang an toàn giao thông, thì NLQ sẽ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật”*. Do đó, cần thiết công nhận quyền sử dụng hành lang an toàn giao thông ngang 29m, dài 7m cho vợ chồng ông S, bà N (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang thửa đất có hình 1234. Trong đó, cạnh 1-2= 7m ; Cạnh 2-3=29m; Cạnh 3-4=7m; Cạnh 4-1=29m) là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà H không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh phần đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

Ngoài ra, trong bản án sơ thẩm tuyên: *“Ông S và bà H có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có yêu cầu”* là không chính xác, cần thiết phải chỉnh sửa lại: *“Ông S và **bà N** có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có yêu cầu”*.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận một phần đề nghị người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số

37/2017/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vợ chồng ông Trần Thanh S, bà Trương Thị N không phải nộp, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho vợ chồng ông S, bà N.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H không phải nộp, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà H.

[4] Về chi phí tố tụng khác:

- Chi phí định giá tài sản 5.000.000 đồng. Vợ chồng ông Trần Thanh S, bà Trương Thị N đã nộp chi trả xong theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000095 ngày 09/11/2017 của Công ty TNHH tư vấn và thẩm định giá Đông Nam Bộ, nhưng yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông S, bà N được Tòa án chấp nhận, nên buộc bà Nguyễn Thị H trả lại cho vợ chồng ông S, bà N 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đo vẽ) 483.000 đồng. Vợ chồng ông Trần Thanh S, bà Trương Thị N đã nộp chi trả xong theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0023488 ngày 10/10/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CT, tỉnh Kiên Giang, nhưng yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông S, bà N được Tòa án chấp nhận, nên buộc bà Nguyễn Thị H trả lại cho vợ chồng ông S, bà N 483.000đ (*Bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 271, 273, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các 164, 166, 169 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 37/2017/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

- *Phần tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị N và ông Trần Thanh S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H.

2. Công nhận quyền sử dụng đất ngang 29m, dài 7m tọa lạc tại ấp VH2, xã VHP, huyện CT, tỉnh Kiên Giang cho vợ chồng ông Trần Thanh S và bà Trương Thị N (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang thửa đất có hình 1234. Trong đó, cạnh 1-2= 7m ; Cạnh 2-3=29m; Cạnh 3-4=7m; Cạnh 4-1=29m). Tuy nhiên, vợ chồng ông S, bà N phải chấp hành chính sách, pháp luật đất đai khi có yêu cầu.

Buộc bà Nguyễn Thị H chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Trần Thanh S và bà Trương Thị N.

3. Vợ chồng ông Trần Thanh S và bà Trương Thị N có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho vợ chồng ông Trần Thanh S, bà Trương Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) theo các biên lai thu tiền số 0005660 ngày 27/02/2017 và 0009896 ngày 25/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000809 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

5. Về chi phí tố tụng khác:

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ hoàn trả lại chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ (đo vẽ) cho vợ chồng ông Trần Thanh S, bà Trương Thị N số tiền 5.483.000đ (*Năm triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện CT;
- THA dân sự huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Đình Thi